

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 17-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Anh Tuấn

2. Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T

Trụ sở: Số 89 L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Ông Vương Văn T, bà Trần Thị Thu H, ông Lê Vũ Quốc Tr (theo Văn bản ủy quyền số 587 ngày 16/02/2023), bà H có mặt, ông T và ông Tr vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L; nơi cư trú: Tổ C 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng, cả hai cùng vắng mặt;

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liênien quan: Ông Nguyễn Mạnh T và bà Phùng Thị L1; nơi cư trú: Tổ K 3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng, cả hai cùng vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Tiên N và bà Phan Hồng L có vay vốn tại Ngân hàng T theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/6/2019, cụ thể: số tiền vay 1.680.000 đồng; thời hạn vay 300 tháng; mục đích vay: hoàn vốn mua bất động sản tại số 39/53 đường Vũ Chí T, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 8,9%/năm được điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

- Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021, cụ thể: số tiền vay 278.000.000 đồng; thời hạn vay 120 tháng; mục đích vay: vay vốn tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 11%/năm được điều chỉnh 3 tháng/1 lần.

- Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021, cụ thể: hạn mức thẻ 10.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng phục vụ đời sống.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Mạnh T và bà Phùng Thị L1 đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29-01B, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(d), diện tích 176m² tại địa chỉ Tổ dân phố K 6, phường Nam, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 137390 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2011 mang tên Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4634845 ngày 27/4/2020 giữa ông T, bà L1 với Ngân hàng T.

Sau khi ký kết các hợp đồng, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông N, bà L 1.968.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng T đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông N, bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến ngày 17/7/2023, ông N, bà L nợ Ngân hàng T tổng số tiền 1.324.525.974 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/6/2019: Nợ gốc: 712.000.000 đồng; nợ lãi: 228.383.032 đồng; phạt chậm trả: 23.746.440 đồng. Tổng cộng là 964.129.472 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021: Nợ gốc: 272.102.016 đồng; nợ lãi: 79.584.710 đồng; phạt chậm trả: 7.813.266 đồng. Tổng cộng là 359.499.992 đồng.

- Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021: Nợ gốc: 6.800 đồng; nợ lãi: 887.710 đồng; phạt chậm trả: 0 đồng. Tổng: 896.510 đồng.

Ngân hàng T khởi kiện ông N, bà L ra Tòa án nhân dân quận K yêu cầu:

- Buộc ông N, bà L phải trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 1.324.525.974 đồng.

- Tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông N, bà L thanh toán toàn bộ khoản nợ.

- Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản là diện tích 176m² tại địa chỉ Tổ dân phố K 6, phường Nam, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 137390 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2011 mang tên Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4634845 ngày 27/4/2020 giữa ông T, bà L1 với Ngân hàng T.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Áp dụng Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 17/7/2023 là 1.324.525.974 đồng, trong đó: Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/6/2019: Nợ gốc: 712.000.000 đồng. Nợ lãi: 228.383.032 đồng. Phạt chậm trả: 23.746.440 đồng. Tổng: 964.129.472 đồng; Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021: Nợ gốc: 272.102.016 đồng. Nợ lãi: 79.584.710 đồng. Phạt chậm trả: 7.813.266 đồng. Tổng: 359.499.992 đồng. Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021, Nợ gốc: 6.800 đồng. Nợ lãi: 887.710 đồng. Phạt chậm trả: 0 đồng. Tổng: 896.510 đồng. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trong việc tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ. Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là bất động sản tại tổ K 6, phường N, quận K, Hải Phòng để xử lý nợ. Trường hợp bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng T có đơn khởi kiện ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi và các khoản khác phát sinh theo các hợp đồng vay tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Tiến N, bà Phan Hồng L là bị đơn.

Ông N, bà L có địa chỉ cư trú tại Tổ C 2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân quận K đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến N, bà Phan Hồng L, anh Nguyễn Mạnh T, chị Phùng Thị L1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/5/2019: Theo Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/5/2019 thì ông N, bà L vay của Ngân hàng số tiền là 1.968.000.000đ, thời hạn vay 300 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua nhà. Hợp đồng này được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 1.968.000.000đ cho phía ông N, bà L. Từ ngày 16/10/2021, ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2023, ông N, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền 964.129.472 đồng, trong đó: Nợ gốc: 712.000.000 đồng; nợ lãi: 228.383.032 đồng; phạt chậm trả: 23.746.440 đồng. Như vậy, cần buộc ông N, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên.

[4] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021: Theo Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021 thì ông N, bà L vay của Ngân hàng số tiền là 278.000.000đ, mục đích vay là tiêu dùng và mua sắm đồ gia dụng trong gia đình. Hợp đồng này được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, được chứng thực theo đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển đủ số tiền 278.000.000đ cho phía ông N, bà L. Từ ngày 15/10/2021, ông N, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/7/2023, ông N, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền 359.499.992 đồng, trong đó: Nợ gốc: 272.102.016 đồng; nợ lãi: 79.584.710 đồng; phạt chậm trả: 7.813.266 đồng. Như vậy cần buộc ông N, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ khoản tiền nêu trên.

[5] Về yêu cầu thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021: Theo Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021 đã ký giữa ông N, bà L thì tạm tính đến ngày 17/7/2023, ông N, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền 896.510đ, trong đó: Nợ gốc: 6.800 đồng; nợ lãi: 887.710 đồng. Như vậy cần buộc ông N, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng T toàn bộ khoản tiền nêu trên

[6] Về hợp đồng thế chấp: ông Nguyễn Mạnh T và bà Phùng Thị L1 đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29-01B, tờ

bản đồ số Na.S-303591-5-(d), diện tích 176m² tại địa chỉ Tổ dân phố K 6, phường Nam, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 137390 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2011 mang tên Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4634845 ngày 27/4/2020 giữa ông T, bà L1 với Ngân hàng T. Phạm vi thế chấp: Bên thế chấp là ông Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 đồng ý thế chấp tài sản để đảm bảo toàn bộ các khoản vay của ông N, bà L với Ngân hàng T. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên đã được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành.

[7] Kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong từng Hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L.

[8] Trường hợp ông Nguyễn Tiến N, bà Phan Hồng L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29-01B, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(d), diện tích 176m² tại địa chỉ Tổ dân phố K 6, phường Nam, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 137390 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2011 mang tên Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4634845 ngày 27/4/2020 giữa ông T, bà L1 với Ngân hàng T để ngân hàng thu hồi nợ.

[9] Về án phí: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Tiến N, bà Phan Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1.1. Buộc ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 964.129.472đ, trong đó nợ gốc là 712.000.000đ, nợ lãi là 228.383.032đ, phạt chậm trả lãi 23.746.440đ theo Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/6/2019. Kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1905301426563 ngày 04/6/2019 đã ký giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L.

1.2. Buộc ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 359.499.992đ, trong đó nợ gốc là 272.102.016đ, nợ lãi là 79.584.710đ, phạt chậm trả lãi là 7.813.266đ theo Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021. Kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD21096011684 ngày 07/4/2021 đã ký giữa Ngân hàng T với ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L.

1.3. Buộc ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền 896.510đ, trong đó nợ gốc là 6.800đ, nợ lãi là 887.710đ theo Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021. Kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, ông Nguyễn Tiến N và bà Phan Hồng L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay thẻ tín dụng số 103-P-8821420 ngày 09/4/2021.

1.4. Trường hợp ông N, bà L không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu tại mục 1.1, mục 1.2 và mục 1.3 nêu trên thì Ngân hàng T có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận K xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29-01B, tờ bản đồ số Na.S-303591-5-(d), diện tích 176m² tại địa chỉ Tổ dân phố K 6, phường Nam, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 137390 do Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/7/2011 mang tên Nguyễn Mạnh T, bà Phùng Thị L1 theo Hợp đồng thế chấp số 4634845 ngày 27/4/2020 để ngân hàng thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.600.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003758 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K. Ông N, bà L phải chịu 51.735.000đ (năm mươi một triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thông